

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 316/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 22 tháng 8 năm 2022  
V/v: “Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lâm Thành Quang**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Hồ Quang Minh**

2/ Ông **Nguyễn Việt Thắng**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 464/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn T212**, sinh năm 1973 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt), trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Chị **Lâm Kim T212**, sinh năm 1980 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt), trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn anh **Nguyễn Văn T212** trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị **Lâm Kim T212** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định.

Trong cuộc sống bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng cãi nhau và làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị T212.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên **Nguyễn Văn Bảo**, sinh ngày 02/02/1998 (giới tính: Nam) và **Nguyễn Văn Quốc**, sinh ngày 18/12/2004 (giới tính: Nam), riêng cháu **Bảo** đã trưởng thành, còn cháu **Quốc** có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật và bảo lưu ý kiến như trình bày tại đơn khởi kiện.

Bị đơn chị **Lâm Kim T212** trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất ý kiến trình bày của anh T212. Chị và anh T212 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định, nay chị thống nhất ly hôn với anh T212, do vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Văn Bảo, sinh ngày 02/02/1998 (giới tính: Nam) và Nguyễn Văn Quốc, sinh ngày 18/12/2004 (giới tính: Nam), riêng cháu Bảo đã trưởng thành, còn cháu Quốc có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, bị đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật và bảo lưu ý kiến như trình bày tại bản tự khai.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt; Các đương sự xác định, cháu Quốc hiện không có mặt tại địa phương, đi làm thuê ở địa phương khác, dẫn đến Tòa án chưa ghi nhận ý kiến của cháu Quốc.

Tại phiên tòa, bị đơn và nguyên đơn đều có yêu cầu xét xử vắng mặt và bảo lưu ý kiến tại đơn khởi kiện, bản tự khai giao nộp cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật: Được xác định là “Tranh chấp về Ly hôn”, đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại Huyện Trần Văn Thời, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Do, nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần xét xử vắng mặt là phù hợp.

[3] Anh T212 và chị T212 chung sống với nhau từ năm 1997, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân đã vi phạm về hình thức. Nay, anh T212 và chị T212 thống nhất chấm dứt quan hệ hôn nhân, do có mâu thuẫn và mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân giữa anh T212 và chị T212 có vi phạm về hình thức. Từ đó, căn cứ các điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp, chấp nhận khởi kiện của anh T212, không công nhận giữa anh T212 và chị T212 là vợ chồng.

[4] Về con chung: Anh T212 và chị T212 có 02 người con chung tên Nguyễn Văn Bảo, sinh ngày 02/02/1998 (giới tính: Nam) và Nguyễn Văn Quốc, sinh ngày 18/12/2004 (giới tính: Nam). Đối với cháu Bảo đã trưởng thành, nên không đặt ra giải quyết, riêng cháu Quốc sinh ngày 18/12/2004 tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/8/2022 là chưa đủ 18 tuổi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phải xem xét nguyện vọng của cháu Quốc, nhưng hiện nay cháu Quốc đi làm thuê ở địa

phương khác và không ghi nhận được ý kiến của cháu Quốc. Tuy nhiên, phía anh T212 xác định hiện cháu Quốc đang sống chung với chị T212, đồng ý giao cháu Quốc cho chị T212 được nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống nên cần giao cháu Quốc cho chị T212 được quyền nuôi dưỡng, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp, có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[6] Về án phí: Buộc anh T212 phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, đối trừ số tiền 300.000 đồng dự nộp tại lai 5172 ngày 25/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau và nguyên đơn nộp xong.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; các điều 228, 238, 235, 273, 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 9, 14, 15, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Không công nhận giữa anh Nguyễn Văn T212 và chị Lâm Kim T212 là vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Quốc, sinh ngày 18/12/2004 (giới tính: Nam) cho chị Lâm Kim T212 được quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

“Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật”.

3/ Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp, có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

4/ Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn T212 chịu án phí số tiền 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm ngàn đồng), đối trừ số tiền 300.000 đồng dự nộp tại lai 5172 ngày 25/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau và nguyên đơn nộp xong.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6/ “Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Lâm Thành Quang**